

CHIẾN LƯỢC HỌC TỪ VỰNG CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH TẠI UNETI

Phạm Thị Nhân *, Trần Thị Thanh Phương *

Tóm tắt: Người học cần có các chiến lược cụ thể để mở rộng vốn từ vựng và tránh những trở ngại do thiếu từ vựng. Trong quá trình dạy sinh viên chuyên ngành tiếng Anh (ESP) năm nhất tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI), các tác giả nhận thấy có nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc học từ vựng, vì không biết cách học hiệu quả. Nghiên cứu này nhằm tìm ra điểm mạnh và điểm yếu trong chiến lược học từ vựng của sinh viên ESP và đưa ra gợi ý giúp sinh viên vượt qua những khó khăn trong việc học từ vựng. Nghiên cứu thực hiện bằng các phương pháp phân tích tài liệu, bảng câu hỏi, phỏng vấn, và phân tích dữ liệu. Kết quả cho thấy có rất nhiều chiến lược được sinh viên sử dụng trong việc học từ vựng, có những chiến lược chưa được sử dụng hết tiềm năng của chúng. Do đó, không chỉ sinh viên, mà cả giảng viên cũng có thể điều chỉnh chiến lược học tập hoặc thực hành giảng dạy để giúp sinh viên tiến bộ hơn trong việc học từ vựng.

Từ khóa: Học từ vựng, chiến lược, sinh viên năm nhất, chuyên ngành tiếng Anh,

Abstract: Learners developed specialized ways to broaden their vocabulary and get around language-related hurdles in order to enhance their vocabulary. In the meantime, the author discovered that many students still struggled with vocabulary acquisition since they were unaware of efficient study strategies while working with freshmen at UNETI. Thus, the purpose of this study was to determine the advantages and disadvantages of the research subjects' language acquisition methods. The author then offers solutions for overcoming vocabulary acquisition challenges. The author carried out this study using data analysis, questionnaires, interviews, and document analysis. The results show that there are a variety of strategies used by the students to learn vocabulary, the strategies that are not used to their full potential. As a result, not only learners but also teachers can adjust their learning strategies or teaching practice to help students make greater progress in learning vocabulary.

Keywords: Vocabulary - learning, strategy, first year students, English majors.

1. Đặt vấn đề

Là ngôn ngữ quốc tế được sử dụng phổ biến nhất trong mọi ngành nghề ở Việt Nam, tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong học tập và nghề nghiệp tương lai của sinh viên. Nếu coi học

tiếng Anh như xây một ngôi nhà, thì việc học từ vựng chính là nền tảng của ngôi nhà đó. Có nhiều cách học từ vựng, nhưng để có một chiến lược làm giàu vốn từ vựng một cách hiệu quả không phải là điều dễ dàng, và trên thực tế, rất

* Thạc sĩ, Khoa Ngoại ngữ,
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

nhiều sinh viên gặp khó khăn khi học từ vựng.

Các tác giả đã thực hiện nghiên cứu phương pháp học từ vựng của sinh viên năm thứ nhất ESP ở UNETI để tìm ra phương pháp học từ vựng chủ yếu của sinh viên. Từ đó, phát hiện những vấn đề mà sinh viên đang gặp phải và đề xuất những phương pháp học mới nhằm củng cố và nâng cao vốn từ vựng một cách hiệu quả.

2. Cơ sở lý luận

Scott Thornbury (2002:13) “không có ngữ pháp, thì có thể truyền đạt rất ít, không có từ vựng, thì không thể truyền đạt được gì”. David Wilkin (2007:76) khẳng định: nếu bạn dành phần lớn thời gian để học ngữ pháp, thì tiếng Anh của bạn sẽ không cải thiện được nhiều. Bạn sẽ thấy sự tiến bộ đáng kể, nếu học nhiều từ và cụm từ, bạn có thể nói rất nhiều thứ bằng từ vựng.

Một nghiên cứu khác của Schmitt (1997) đưa ra đề xuất về phân loại các phương pháp học từ vựng. Ông phân biệt các phương pháp được người học sử dụng để tiếp cận nghĩa của từ trong lần tiếp xúc đầu tiên với nó và các phương pháp mà người học sử dụng để củng cố nghĩa của từ đó trong những lần tiếp xúc tiếp theo. Sự phân loại này một phần dựa trên hệ thống phân loại Oxford (1990), bao gồm bốn nhóm chiến lược: Xã hội, Trí nhớ, Nhận thức và Siêu nhận thức. Chiến lược xã hội (SOC) sử dụng sự tương tác với người khác để cải thiện việc học ngôn ngữ. Các phương pháp tiếp cận liên quan đến tài liệu mới với kiến thức hiện có thuộc loại Chiến

lược trí nhớ (MEM). Chiến lược nhận thức (COG) thể hiện chức năng chung là “người học vận dụng hoặc biến đổi ngôn ngữ đích” (Oxford, 1990:43). Cuối cùng, Chiến lược siêu nhận thức (MET) tổng quan có ý thức về quá trình học tập và đưa ra quyết định về việc lập kế hoạch, giám sát hoặc đánh giá các cách học tập tốt nhất. Cụ thể như sau:

2.1. Các chiến lược khám phá nghĩa của từ mới bao gồm: a. Phân tích một phần của lời nói; các phụ tố và gốc từ; kiểm tra nhận thức L1; phân tích mọi hình ảnh hoặc cử chỉ có sẵn; đoán từ ngữ cảnh văn bản; từ điển song ngữ và đơn ngữ; danh sách từ; thẻ DET Flash; b. SOC yêu cầu giảng viên dịch L1; yêu cầu giảng viên diễn giải từ đồng nghĩa của từ mới; hỏi giảng viên một câu có chứa từ mới; hỏi các bạn cùng lớp về nghĩa; khám phá nghĩa mới thông qua hoạt động làm việc nhóm.

2.2. Chiến lược củng cố một từ khi đã gặp bao gồm: a. Ý nghĩa học tập và thực hành SOC trong một nhóm; giảng viên kiểm tra độ chính xác của thẻ ghi chú hoặc danh sách từ của sinh viên; tương tác với người bản xứ. b. Từ học MEM có hình ảnh thể hiện ý nghĩa của nó; liên kết với trải nghiệm cá nhân; liên kết từ với tọa độ của nó; kết nối từ với các từ đồng nghĩa và trái nghĩa của nó; sử dụng bản đồ ngữ nghĩa; sử dụng ‘tỷ lệ’ cho các tính từ có thể phân loại; c. Phương pháp MEM Peg, Phương pháp MEM Loci, MEM nhóm các từ lại với nhau để nghiên cứu chúng; nhóm các từ với nhau theo không gian trên một trang và một câu; sử dụng từ mới trong câu;

nghiên cứu cách đánh vần từ và âm thanh của từ; nói to từ mới khi học; dạng từ hình ảnh; gạch chân chữ cái đầu của từ. Cấu hình MEM, Phương pháp từ khóa sử dụng MEM, Phụ tố và gốc MEM (ghi nhớ) của lời nói; diễn giải ý nghĩa của từ, sử dụng các từ cùng gốc trong nghiên cứu, cùng nhau học các từ của một thành ngữ, sử dụng hoạt động vật lý khi học một từ, sử dụng lưới đặc điểm ngữ nghĩa. d. COG: Lắp lại bằng lời nói và văn bản; Danh sách từ, thẻ flash, ghi chú trong lớp; Sử dụng từ vựng trong sách giáo khoa; Nghe băng danh sách từ; Dán nhãn tiếng Anh lên đồ vật; sổ ghi chép từ vựng. e. MET Sử dụng phương tiện tiếng Anh (bài hát, phim, bản tin, v.v.); kiểm tra bản thân bằng các bài kiểm tra từ; sử dụng luyện tập từ có khoảng cách; bỏ qua hoặc chuyển từ mới; tiếp tục học từ theo thời gian.

Câu hỏi nghiên cứu:

- 1. Vai trò của từ vựng trong học tiếng Anh là gì?
- 2. Sinh viên năm nhất ESP ngôn ngữ Anh tại UNETI áp dụng phương pháp học từ vựng nào?
- 3. Làm thế nào để sinh viên có cách học từ vựng hiệu quả?

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Với sự tham gia của 134 sinh viên ESP năm thứ nhất gồm 4 lớp tại UNETI. Nghiên cứu tập trung vào sinh viên

năm thứ nhất ESP nên 100% sinh viên tham gia vào quá trình nghiên cứu này gồm thực hiện khảo sát và phỏng vấn để đảm bảo độ tin cậy và độ chính xác của kết quả. Tại thời điểm nghiên cứu, sinh viên đang học học kỳ 2 ở các trình độ khác nhau.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu các tài liệu liên quan nhằm xây dựng có cơ sở lý luận khoa học cho đề tài, các tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích. Các chiến lược học từ vựng đã được chọn để lập bảng câu hỏi khảo sát. Các tác giả phát phiếu khảo sát cho tất cả sinh viên năm thứ nhất Khoa Tiếng Anh UNETI. Bảng 22 câu hỏi được chia thành hai phần: phần đầu chỉ có một câu hỏi tìm hiểu quan điểm của người tham gia về tầm quan trọng của từ vựng; phần hai có 21 câu hỏi tập trung khám phá tần suất sử dụng từng chiến lược của những người tham gia khảo sát. Phương pháp phỏng vấn được dùng để tìm hiểu xem liệu có chiến lược nào khác được người tham gia khảo sát sử dụng chưa được đề cập trong bảng câu hỏi hay không, tại sao họ thích những chiến lược đó hơn? Cuối cùng, các tác giả phân tích các bảng câu hỏi thu được, tiến hành phỏng vấn, đưa ra kết quả chính xác nhất cho nghiên cứu.

4. Phát hiện và thảo luận

4.1. Vai trò của từ vựng trong việc học tiếng Anh

Bảng 1. Đánh giá vai trò của từ vựng trong học tiếng Anh

Đánh giá về mức độ quan trọng	Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
Tỷ lệ số người tham gia khảo sát (%)	91	9	0	0

Theo Bảng 1, hầu hết sinh viên đều nhận ra tầm quan trọng của từ vựng trong học ngôn ngữ: 91% đánh giá từ vựng là rất quan trọng trong quá trình học tiếng Anh, 9% cho rằng việc học từ vựng là quan trọng, 0% cho rằng vai trò của từ vựng ít quan trọng và 0% cho rằng từ vựng không quan trọng. Sinh viên nhận ra rằng nếu không có vốn từ vựng nhất định, họ không thể thực hiện tốt cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

4.2. Các chiến lược khám phá nghĩa của từ mới

Đối với sinh viên ESP, học đoán nghĩa theo ngữ cảnh rất tốt cho kỹ năng đọc. Phân tích ngữ cảnh giúp người đọc

tập trung vào bài đọc đồng thời giúp họ đoán nghĩa của từ một cách nhanh chóng và chính xác. Đó là lý do tại sao ở Bảng 2, 41,8% sinh viên luôn học từ vựng theo cách này, 32,8% thường xuyên, 20,9% đôi khi và 4,5% hiếm khi sử dụng.

Tác giả nhận thấy sinh viên rất thích sử dụng từ điển khi học tiếng Anh và được sử dụng thường xuyên nhất trong việc học từ vựng với 74,6% luôn sử dụng, 13,4% thường xuyên sử dụng, 9% thỉnh thoảng và chỉ 3% hiếm khi sử dụng. Tuy nhiên, vấn đề nào cũng có hai mặt: sử dụng từ điển có thể làm giảm khả năng đoán nghĩa của sinh viên và ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình đọc.

Bảng 2. Tần suất sử dụng các chiến lược để khám phá một nghĩa của từ mới

Câu hỏi	Tần suất sử dụng (%)			
	Luôn luôn	Thường thường	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
1. Phân tích thành phần của câu	19.4	50.7	25.4	4.5
2. Phân tích nguồn gốc	14.9	41.8	38.8	4.5
3. Phân tích phụ tố	9	44.8	31.3	14.9
4. Đoán từ ngữ cảnh văn bản	41.8	32.8	20.9	4.5
5. Sử dụng từ điển	74.6	13.4	9	3
6. Sử dụng danh mục từ	9	34.3	29.8	26.9
7. Kết nối từ với từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa của nó	7.5	28.3	41.8	22.4
8. Một phần của Lời nói (ghi nhớ)	13.4	31.3	40.3	14.9
9. Thẻ nhanh	3	19,4	28,4	49,2

Học từ thông qua phân tích gốc là dựa vào từ gốc đã có để suy đoán về nghĩa của từ thường có nguồn gốc từ tiếng Latin và tiếng Hy Lạp và chúng có những ý nghĩa nhất định. Phương pháp học này đòi hỏi sinh viên phải dành thời gian để tìm hiểu gốc từ. Chỉ có 14,9% luôn sử dụng, 41,8% thường xuyên sử dụng, 38,8% đôi khi sử dụng và 4,5% hiếm khi sử dụng chiến lược này.

Đáng chú ý, sinh viên thường đoán

nghĩa dựa trên từng phần của lời nói: 19,4% luôn sử dụng, 50,7% sử dụng thường xuyên, 25,4% đôi khi sử dụng và 4,5% hiếm khi sử dụng. Sinh viên dễ dàng nhận biết một từ thuộc bất kỳ loại nào thông qua cấu trúc ngữ pháp của câu hoặc một số dạng và biến thể cụ thể của từ. Cách học này khá phổ biến và có thể áp dụng cho nhiều từ trong đó có từ khó. Flashcard được sử dụng ít nhất với 3% luôn luôn, 19,4% thường xuyên, 28,4%

thỉnh thoảng và lên tới 49,2% hiếm khi sử dụng.

Việc lập danh mục từ được sinh viên sử dụng khá nhiều trong quá trình học từ vựng, nhưng mức độ sử dụng và hiệu quả khác nhau. Khảo sát cho thấy 9% luôn luôn, 34,3% thường xuyên, 29,8% thỉnh thoảng và 26,9% hiếm khi nhóm các từ lại với nhau để nghiên cứu. Sinh viên tự thiết kế danh mục từ để tạo hứng thú học từ vựng. Phương pháp học này tương đối tốt, nên sinh viên có thể sử dụng thêm một số dạng sơ đồ hình cây hoặc bong bóng để danh mục trở nên sinh động hơn. Ngoài ra, trong khi chỉ có 7,5% luôn luôn, 28,3% thường xuyên, 41,8% đôi khi, 22,4% hiếm khi kết nối các từ với từ đồng nghĩa và trái nghĩa của nó. Học từ theo cách này là cách làm phong phú ngân hàng từ vựng rất hiệu quả, sinh viên nên vận dụng nhiều hơn trong quá trình học từ vựng của mình. Do đó, có tới 13,4% luôn luôn, 31,3%

thường xuyên, 40,3% thỉnh thoảng và 14,9% hiếm khi sử dụng chiến lược này để ghi nhớ từ mới.

Qua bảng 2 phản ánh các chiến lược khác nhau mà người tham gia đã sử dụng để tìm hiểu nghĩa của từ mới, có thể rút ra kết luận rằng sinh viên đã biết tận dụng các chiến lược tốt để khám phá nghĩa của từ mới, trong đó có những kỹ thuật đòi hỏi khắt khe hơn như đoán nghĩa từ ngữ cảnh hoặc phân tích gốc và phụ tố.

4.3. Chiến lược xã hội để khám phá nghĩa của từ mới

Bảng 3 chỉ rõ có 43,3% luôn luôn, 44,8% thường xuyên sử dụng chiến lược, 10,4% sử dụng bình thường và 1,5% hiếm khi sử dụng. Trong mỗi bài học, giảng viên thường cung cấp cho sinh viên các hoạt động tương tác. Vì vậy, sinh viên có thể thoải mái trao đổi thông tin và đặt câu hỏi. Hơn nữa, với những đối tượng cùng độ tuổi, việc trao đổi thông tin sẽ diễn ra suôn sẻ và thoải mái hơn.

Bảng 3. Tần suất sử dụng các chiến lược xã hội

Câu hỏi	Tần suất sử dụng (%)			
	Luôn luôn	Thường thường	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
10. Hỏi trực tiếp giảng viên	1.3	23.9	37.3	7.5
11. Hỏi bạn học về nghĩa của từ	43.3	44.8	10.4	1.5
12. Tương tác với người bản địa	6	12	12	70

Phương pháp hỏi trực tiếp giảng viên về nghĩa của từ cũng được sinh viên ưa thích, ủng hộ: 31,3% luôn luôn sử dụng, 23,9% thường xuyên, 37,3% thỉnh thoảng và 7,5% hiếm khi sử dụng. Sinh viên cho đây là cách học hiệu quả, vì giảng viên bao giờ cũng có mặt trong lớp để cung cấp cho họ thông tin đáng tin cậy và sẵn sàng trả lời bất kỳ câu hỏi nào.

Nếu sinh viên có cơ hội giao tiếp với

người bản xứ thường xuyên, thì năng lực nói và vốn từ vựng tiếng Anh của các em sẽ được cải thiện rất nhiều. Tuy nhiên, do ngại mắc lỗi, bị chê cười hoặc không đủ tự tin, nên nhiều sinh viên không thích học từ vựng theo cách này (6% luôn luôn, 12% thường xuyên, 12% thỉnh thoảng và có tới 70% hiếm khi sử dụng).

Bảng 3 cho thấy sinh viên thích hỏi giảng viên Việt hoặc các bạn cùng lớp

với người bản xứ về nghĩa của từ mới. Giảng viên dạy trực tiếp nên khuyến khích sinh viên tương tác nhiều hơn với người bản xứ để việc học từ vựng mới nói riêng và nâng cao kỹ năng giao tiếp nói chung hiệu quả hơn.

4.4. Các chiến lược củng cố một từ khi đã được dùng rồi

Bảng 4. Tần suất sử dụng các chiến lược củng cố một từ khi từ đó đã được nhắc đến ở trên

Câu hỏi	Tần suất sử dụng (%)			
	Luôn luôn	Thường thường	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
13. Nghiên cứu từ có hình ảnh minh họa ý nghĩa của nó	31.3	23.9	37.3	7.5
14. Liên kết từ với tọa độ của nó	13.4	38.8	37.3	10.4
15. Nhóm các từ lại với nhau để nghiên cứu chúng	10.4	43.3	35.8	10.4

Học từ bằng hình ảnh khá phổ biến ở sinh viên, giúp quá trình học từ vựng không bị nhàm chán: 31,3% luôn sử dụng, 23,9% thường xuyên, 37,3% đôi khi và 7,5% hiếm khi sử dụng. Với từ trừu tượng, sinh viên cần áp dụng cách học khác. Theo khảo sát, số sinh viên liên kết từ với tọa độ tương đối cao: 13,4% luôn luôn, 38,8% thường xuyên, 37,3% bình thường và 10,4% hiếm khi. Các nhóm từ có thể liên quan với nhau về mặt ý nghĩa, chức năng hoặc một phần của lời nói. Đây là một cách học từ vựng hợp lý và có hệ thống.

4.5. Các chiến lược nhận thức

Bảng 5. Tần suất sử dụng các phương pháp nhận thức

Câu hỏi	Tần suất sử dụng (%)			
	Luôn luôn	Thường thường	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
16. Nói to các từ mới khi học	47.8	41.8	9	1.5
17. Đọc từ mới thật để nhớ	34.3	49.3	11.9	4.5
18. Sự lặp lại bằng văn bản	26.9	43.3	26.9	3
19. Sử dụng phần từ vựng trong sách giáo khoa của bạn	20.9	44.8	31.3	3
20. Nghe từ vựng từ đĩa CD	16.4	31.3	37.3	14.9
21. Luôn ghi nhớ vào sổ ghi chép	25.4	34.3	29.9	10.4

Nhóm các từ lại với nhau như trong Bảng 4 là chiến lược được sinh viên sử dụng khá nhiều, với tỷ lệ luôn ở mức 10,4%, thường là 43,3%, có khi là 35,8 % và hiếm khi ở mức 10,4%. Hiện nay có rất nhiều sách viết về từ vựng theo chủ đề và chức năng, người học có thể tham khảo để học từ vựng tốt hơn.

Bảng 5 cho thấy đọc to nhiều lần để luyện phát âm được sử dụng thường xuyên nhất trong nhóm chiến lược nhận thức: 47,8% luôn luôn, 41,8% thường xuyên, 9% đôi khi và chỉ 1,5% hiếm khi. Nhiều sinh viên cho rằng đây là cách giúp họ tăng vốn từ vựng, cải thiện kỹ năng nói và giúp phát âm tốt hơn. Để thành công, người học không chỉ nên đi sâu vào việc ghi nhớ nghĩa của từ, mà còn các yếu tố khác liên quan đến từ đó. Số lượng sinh viên sử dụng phương pháp này cũng khá cao: 34,3% luôn luôn, 49,3% thường xuyên, 11,9% thỉnh thoảng và 4,5% hiếm khi.

Viết lặp lại để ghi nhớ chính tả được sử dụng đồng đều: 26,9% sinh viên luôn sử dụng, 43,3% thường xuyên, 26,9% thỉnh thoảng và 3% hiếm khi sử dụng, giúp sinh viên không chỉ ghi nhớ từ lâu hơn, mà còn kiểm tra tính chính xác trong quá trình ghi nhớ.

Bảng 5 cho thấy sử dụng danh mục từ trong sách giáo khoa cũng được sinh viên sử dụng: 20,9% luôn sử dụng, 44,8% thường xuyên, 31,3% đôi khi, 3% hiếm khi sử dụng. Danh mục từ kiểu này rất hữu ích, vì người học có thể kiểm tra thông tin về từ ngay khi gặp khó khăn.

Nghe CD danh mục từ ít được sinh viên sử dụng nhất: 16,4% luôn sử dụng, 31,3% thường xuyên, 37,3% bình thường và 14,9% hiếm khi sử dụng. Khảo sát cho thấy số sinh viên học từ vựng bằng cách tạo vở ghi từ mới tương đối cao, vì vừa dễ sử dụng, vừa tiện lợi, hiệu quả: 25,4% luôn sử dụng, 34,3% thường xuyên, 29,9% đôi khi và 10,4% hiếm khi sử dụng.

Ngoài các chiến lược nói trên, cũng có các chiến lược học từ vựng thú vị khác nữa được khoảng 10% - 20% sinh viên sử dụng, tóm tắt như sau:

Theo câu hỏi 2.23, sử dụng các phương tiện giải trí trong tiếng Anh rất phổ biến và thông dụng. Có rất nhiều phương tiện giải trí, như sách, báo, phim ảnh. Sinh viên sử dụng chúng để phục vụ nhu cầu học tập, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết thông qua việc đọc báo, truyện, tạp chí, sách, tác phẩm văn học bằng tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên còn rèn luyện kỹ năng nghe, nói và phát âm bằng cách nghe nhạc tiếng Anh và

học hát theo những bài hát đó, hoặc xem phim nước ngoài có phụ đề tiếng Anh. Sinh viên có thể nghe, xem tin tức tiếng Anh trên radio và TV.

Chỉ có 3% sinh viên thường xuyên học từ vựng bằng cách đọc truyện song ngữ. Sinh viên thấy phương pháp này có hiệu quả, vì khi chưa biết nghĩa của từ, các em có thể tìm ngay nghĩa của từ trong tiếng Việt. Trong truyện có những từ được lặp đi lặp lại nhiều lần; giúp sinh viên củng cố nghĩa của từ vừa phát hiện để nhớ lâu hơn.

Những cách học khác được một số sinh viên đề cập là học nhóm, ngoại khóa và các cuộc thi tiếng Anh,... cũng là cách để người học giao lưu, nâng cao kiến thức. Thông qua những hoạt động này, các em có thể làm phong phú thêm vốn từ vựng của mình.

5. Kết luận

Chiến lược học từ vựng đặc biệt quan trọng vì từ vựng là công cụ hữu hiệu giúp phát triển cả 4 kỹ năng của người học. Hiện nay, sinh viên tiếng Anh nói riêng và người học từ vựng nói chung có rất nhiều cơ hội để thử nghiệm các chiến lược học từ vựng khác nhau. Mỗi phương pháp đều có mục đích và ưu điểm riêng. Việc lựa chọn một phương pháp hiệu quả nhất, phù hợp với khả năng của mỗi người học là yếu tố vô cùng cần thiết đối với người học tiếng Anh.

Nghiên cứu này dựa trên nghiên cứu trước đây của Norbert Schmitt làm cơ sở lý luận cho nội dung chính nghiên cứu của chúng tôi về chiến lược học từ vựng của sinh viên năm thứ nhất ESP ở Khoa Tiếng Anh của UNETI. Các tác giả hy

vọng đây không chỉ là một nghiên cứu, mà còn là giới thiệu những chiến lược học từ vựng hiệu quả nhất cho người học tiếng Anh.

Thông qua nghiên cứu này, các tác giả muốn nhấn mạnh rằng một người học tiếng Anh thành công là người sử dụng khéo léo các chiến lược học tập phù hợp với mục tiêu và phong cách học tập của mình.

Để người học lựa chọn được chiến lược học từ vựng hiệu quả nhất, yếu tố

cần quan tâm là nhận biết ưu, nhược điểm của từng chiến lược. Một chiến lược có hiệu quả với người này, nhưng chưa chắc sẽ phù hợp với người khác. Vì vậy, khuyến nghị các nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực này nên tập trung phân tích ưu nhược điểm của từng chiến lược để sinh viên có thể quyết định chiến lược học từ vựng hiệu quả nhất cho mình. Ngoài ra, chúng tôi chỉ tiến hành nghiên cứu đối tượng sinh viên năm thứ nhất ESP ở Khoa Tiếng Anh của UNETI./.

Tài liệu tham khảo

1. Ellis, R. (1997). *Second Language Acquisition*. OUP: Oxford.
2. Lightbown, P. M., & Spada, N. (2013). *How languages are learned 4th edition* - Oxford Handbooks for Language Teachers. Oxford University Press, UK.
3. Nunan, D. (1999). *Second Language Teaching and Learning*. Heinle and Heinle Publisher: Boston.
4. Oxford, R. (1990). *Language Learning Strategies*. Heinle and Heinle Publisher: Boston.
5. Spolsky, B. (1989). *Conditions for Second Language Learning*. OUP: Oxford.
6. Rubin, J and Thompson, I. (1994). *How to be a more successful Language Learner*. Heinle and Heinle Publishers: Boston.
7. Schmitt, N. (1997). *Vocabulary Learning Strategies*. Cambridge University Press: Cambridge.
8. Stoffer, I. (2007). *University Foreign language student' choice of vocabulary learning strategies as related to individual different variables*. University of Alabama, Alabama.
9. Thornbury, S. (2002). *How to teach vocabulary*. Pearson Education: England.
10. Wilkins, D. A. (2007). *Linguistics in Language Teaching*. Edward Arnold: London.